

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 5 - 2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Võ Minh T tự nguyện chung sống với nhau năm 1996, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan

điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay, hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai nữa, nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Võ Hải D sinh năm 1996 và Võ Ngọc H sinh ngày 27/01/2004, hiện hai cháu do anh T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H tự nguyện giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản giải trình ngày 12/4/2018, bị đơn anh Võ Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T xác định về quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh T xác định chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh T thống nhất theo chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Minh T có đơn từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Võ Minh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Võ Minh T chung sống với nhau năm 1996, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định giữa chị với anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị H vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, được anh T đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H với anh Võ Minh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Minh T có 02 người con tên Võ Hải D sinh năm 1996 và Võ Ngọc H sinh ngày 27/01/2004; đối với cháu D đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với cháu H đang sống cùng với anh T. Tại phiên tòa chị H xác định từ khi anh chị ly thân cháu H do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua cháu H phát triển rất tốt nên chị tự nguyện giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; đối với cháu H có nguyện vọng sống cùng với anh T. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị H không đặt ra; đối với anh T không ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Minh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Võ Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc H sinh ngày 27/01/2004 cho anh Võ Minh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009729 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng